

UNIT 6

AFTER SCHOOL

I. Điền vào mỗi chỗ trống một chữ cái để tạo thành từ đúng.

Ex: h_m_w_k

homework

1. v_ll_yb_1

4. c_l_br_t_n

7. c_ll_c_i_n

2. p_st_e

5. a_t_v_ty

8. pr_s_d_t

3. a_ni_er_ry

6. d_ff_r_t

9. c_fet_r_a

II. Dùng các từ cho sẵn trong khung để hoàn tất các câu.

| | | | | | | |
|-------|----|------------|------------|------|----------|-------|
| plays | go | rehearsing | collecting | tidy | watching | lying |
|-------|----|------------|------------|------|----------|-------|

1. You should _____ your room every day.

2. The children like _____ stamps.

3. They are _____ a new play.

4. She _____ the violin in the school orchestra.

5. Nam is _____ on the couch _____ television.

6. We often _____ to the school cafeteria at recess.

III. Viết các lời đề nghị hoặc gợi ý, dùng *Let's ...*, *Should we?*

Ex: go to the movies

Let's go to the movies.

Should we go to the movies?

1. play soccer

2. go swimming

3. invite him to the party

4. go to the library

5. travel by bus

6. visit our old teachers

IV. Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh.

Ex: the/ never/ she/ does/ housework
She never does the housework.

She never does the

1. always/ church/ he/ to/ goes/ Sundays/ on.

2. they/ free/ usually/ are/ the/ weekend/ on.

3. marbles/ boys/ often/ the/ recess/ play/ at / do?

4. library/ I/ in/ study/ school/ after/ the/ sometimes.

5. Phong/ interested/ is/ in/ always/ music.

6. never/ my/ can/ meal/ a/ cook/ good/ sister.

V. Đặt câu hỏi về những hoạt động sau buổi học và viết câu trả lời theo từ gợi ý.

Ex: you/ play badminton

What do you usually do after school? ~ I usually play badminton.

1. Nam/ study in the library

2. Ba and Phong/ play video games

3. your brother/ watch videos

4 they/ go to the stamp collector's club

5. you/ learn to play the piano

6. your children/ go swimming

7. Mai/ skip with her friends

8. your sister/ help my mother with the housework
